TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ TRẢNG BÀNG** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 131/2024/HNGĐ-ST.
Ngày 24-9-2024.
V/v ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Linh Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Lãm;

Ông Tạ Kỳ Trung.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Lê Thanh Trúc - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Nguyễn Văn Thướng - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 27/2024/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 01 năm 2024 về "Ly hôn"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 136/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2024; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Phan Thị T, sinh năm 1971 – Xin vắng mặt;

Địa chỉ hộ khẩu thường trú: Ấp B N, xã Đ T, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

Địa chỉ tạm trú: Số 73/1B, T S N, phường T S N, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn*: Ông Phan Văn B, sinh năm 1968 - Vắng mặt.

Địa chỉ: Ấp B N, xã Đ T, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam.

Địa chỉ: Số 02 Láng Hạ, quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp: Ông Lê Thành D, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam Chi nhánh thị xã Trảng Bàng, Tây Ninh (Theo Giấy ủy quyền ngày 01-12-2022) – Xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Phan Thị T trình bày:

Bà và ông B chung sống với nhau từ năm 1991, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn năm 1998 tại Ủy ban nhân dân xã Đ T, huyện Trảng Bàng (nay là thị xã Trảng Bàng), tỉnh Tây Ninh. Sau khi cưới vợ chồng chung sống tại ấp B N, xã Đ T, huyện Trảng Bàng (nay là thị xã Trảng Bàng), tỉnh Tây Ninh, đến năm 1997 vợ chồng chuyển đến sống tại Thành phố Hồ Chí Minh. Từ khi chung sống, bà và ông B thường xảy ra mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không phù hợp với nhau. Ông B thường xuyên ra ngoài không về nhà nên vợ chồng gây gỗ nhau. Vợ chồng tự ly thân từ năm 2020 nhưng vẫn sống chung nhà, đến tháng 8-2023, ông B về nhà cha mẹ ruột sống tại ấp B N, xã Đ T, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. Từ khi ly thân bà và ông B không ai đặt vấn đề đoàn tụ.

Nay bà yêu cầu được ly hôn với ông B.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Phan Thành Đ, sinh ngày 15-5-1993, hiện đã thành niên và có khả năng lao động nên bà không yêu cầu giải quyết việc nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Theo các lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Phan Văn B trình bày:

Lời trình bày của ông B và bà T về thời gian chung sống, ly thân, con chung, tài sản chung thống nhất nhau. Về nguyên nhân mâu thuẫn theo ông B trình bày là do ông làm nghề may đồ ở Thành phố Hồ Chí Minh không được thuận lợi, nên tháng 8-2023 ông về sống chung với mẹ ruột tại ấp B N, xã Đ T, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh để làm nghề lái xe đưa đón học sinh, còn bà T vẫn sống ở Thành phố Hồ Chí Minh, do bà T kêu ông về Thành phố Hồ Chí Minh sống nhưng ông không đồng ý nên vợ chồng mâu thuẫn nhau.

Nay ông yêu cầu đoàn tụ với bà T vì ông còn thương vợ con.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Phan Thành Đ, sinh ngày 15-5-1993.

Nếu Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn, ông không yêu cầu giải quyết việc nuôi dưỡng cháu Đ, vì cháu đã thành niên và có khả năng lao động.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng có vay tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam Chi nhánh thị xã Trảng Bàng, Tây Ninh, phòng giao dịch khu vực L H số tiền 450.000.000 đồng vào tháng 9-2023 để mua xe ô tô đưa đón học sinh và mua bán vải. Nếu Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn, ông yêu cầu chia đôi số nợ chung cho ông và bà T cùng có trách nhiệm trả.

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam trình bày:

Ngày 15-9-2023, ông B và bà T có vay tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam Chi nhánh thị xã Trảng Bàng, Tây Ninh, phòng giao dịch khu vực L H số tiền 450.000.000 đồng. Hiện nay, ông B và bà T đã trả tất nợ cho Ngân hàng nên Ngân hàng yêu cầu rút đơn khởi kiện.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự; các đương sự thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về quyền và nghĩa vụ của các đương sự. Riêng bị đơn không thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về quyền và nghĩa vụ của bị đơn.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét quyết định:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Phan Thị T yêu cầu được ly hôn ông Phan Văn B.

Về con chung: Cháu Phan Thành Đ, sinh ngày 15-5-1993 đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được nên không đặt ra giải quyết việc nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam.

Về án phí: Bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Phan Thị T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn ông Phan Văn B vắng mặt tại phiên tòa mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông B tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1991, có đăng ký kết hôn vào năm 1998 tại Ủy ban nhân dân xã Đ T, huyện Trảng Bàng (nay là thị xã Trảng Bàng), tỉnh Tây Ninh nên được thừa nhận là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn

và ly thân từ năm 2020 đến nay mà không ai đặt vấn đề đoàn tụ. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông B chuyển về sống tại ấp B N, xã Đ T, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh nhưng bà T không đồng ý; bà T mất lòng tin với ông B về chuyện tình cảm. Nay bà T yêu cầu ly hôn, ông B yêu cầu đoàn tụ nhưng ông B không đưa ra được giải pháp để vợ chồng đoàn tụ, ông B cũng không đến Tòa tham gia hòa giải, tham gia phiên tòa. Cho thấy ông B không có thiện chí hàn gắn với bà T. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa bà T và ông B trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, có cơ sở chấp nhận yêu cầu của bà T được ly hôn ông B theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Bà T và ông B có 01 con chung là cháu Phan Thành Đ, sinh ngày 15-5-1993. Cháu Đ hiện đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết việc nuôi dưỡng.

[4] Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về nợ chung: Ông B trình bày vợ chồng có vay tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam Chi nhánh thị xã Trảng Bàng, Tây Ninh, phòng giao dịch khu vực L H số tiền 450.000.000 đồng vào tháng 9-2023. Nay ông B và bà T đã trả tất nợ cho Ngân hàng và Ngân hàng đã rút đơn khởi kiện. Chính vì vậy, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

[6] Như phân tích trên, có căn cứ chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát về quan điểm giải quyết vụ án.

[7] Án phí: Bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 217, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị T về việc yêu cầu ly hôn ông Phan Văn B.

Bà Phan Thị T được ly hôn ông Phan Văn B.

2. Về con chung: Cháu Phan Thành Đ, sinh ngày 15-5-1993 đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được nên không đặt ra giải quyết việc nuôi dưỡng.

3. Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về nợ chung: Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam đối với bà Phan Thị T và ông Phan Văn B.

5. Án phí: Bà Phan Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0015252 ngày 25 tháng 01 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh; bà T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam 11.145.000 (Mười một triệu một trăm bốn mươi lăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0015604 ngày 13 tháng 6 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

6. Các đương sự có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Trảng Bàng;
- Chi cục THADS thị xã Trảng Bàng;
- UBND xã Đ T;
- Lưu: Án văn, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Linh Ngọc